

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày 18 - 01 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hui”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Đào
2. Bà Trương Thị Kim Tiến

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong các ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1072/2023/TLST- DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ T, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: D Ô, Khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An;

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Ánh N, sinh năm 1977 (có mặt)

Ông Nguyễn Công L, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ô, Khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2023 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn Phạm Thị Mỹ T trình bày:

Bà và Phạm Thị Ánh N là chỗ quen biết và bà N làm thảo hui, bà là hui viên có tham gia các dây hui sau:

Dây hui 2.000.000 đồng mở ngày 10/5/2022, hui gồm 19 phần, tham gia 2 phần, bà hốt được số tiền 76.000.000 đồng, bà N đã giao cho bà số tiền 20.200.000 đồng, số tiền còn lại là 45.000.000 đồng.

Dây hui 3.000.000 đồng mở ngày 25/12/2022 gồm 17 phần, bà tham gia hai phần, 1 phần đã hốt lần thứ 10 bà đã đóng lại hui chết xong, phần còn lại bà hốt lần thứ 12 số tiền là 36.000.000 đồng.

Dây hui 1.000.000 đồng mở ngày 10/01/2023 gồm 17 phần, bà tham gia 4 phần, bà đóng được 11 kỳ với số tiền 44.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà N, ông L trả số tiền 125.000.000 đồng và trả một lần.

Bị đơn bà N, ông L trình bày: ông bà đồng ý bà T có tham gia chơi hui do ông bà làm thảo hui các dây hui như bà T trình bày là đúng. Hiện tại ông bà bị vỡ hui nên chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 112.500.000 đồng. Tuy nhiên ông bà chỉ đồng ý trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng còn không thì ông bà bán đất xong sẽ trả.

Nguyên đơn bà T trình bày: bà yêu cầu bà N và ông L trả ngay khi án có hiệu lực không đồng ý cách trả dần mà bị đơn nêu ra. Bà đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 12.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của ông bà Phạm Thị Mỹ T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Phạm Thị Ánh N và ông Nguyễn Công L có hộ khẩu thường trú tại Ô, Khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Phạm Thị Mỹ T là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà Phạm Thị Ánh N và ông Nguyễn Công L là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Phạm Thị Mỹ T yêu cầu bà Phạm Thị Ánh N và ông Nguyễn Công L trả tiền thuộc trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên đối chiếu theo quy định Điều 155 Bộ luật dân sự nên không tính thời hiệu khởi kiện; bà Phạm Thị Mỹ T có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: bà T khởi kiện yêu cầu bà N trả 112.500.000 đồng. Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được do bà N cung cấp gồm có: các giấy hui.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Các đương sự xác định đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu.

[1.4]. Đình chỉ: đối với yêu cầu rút một phần đơn yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên cần đình chỉ một phần yêu cầu của bà [T](#) là phù hợp điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà [Phạm Thị Mỹ T](#) yêu cầu bà [Phạm Thị Ánh N](#) và ông [Nguyễn Công L](#) trả số tiền 112.500.000 đồng (Một trăm mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền hụi. Đối với bà [N](#) và ông [L](#) xác nhận có mở các dây hụi, bà [T](#) tham gia chơi hụi đối với các dây hụi như bà [T](#) nêu là đúng. Các đương sự thống nhất số hụi là 112.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là tình tiết sự thật của vụ án không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2]. Các vấn đề tranh chấp: Bà [N1](#) và ông [L](#) chỉ đồng ý trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng cho bà [T](#) đến khi hết số nợ hoặc khi nào ông bà bán đất được sẽ trả nhưng không được bà [T](#) đồng ý. Do đó xét thấy cần bảo vệ quyền lợi của bà [T](#) cần buộc phía bà [N1](#) và ông [L](#) trả số tiền trên cho bà [T](#) một lần là phù hợp.

[3]. Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án bà [N1](#) và ông [L](#) phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà [Phạm Thị Mỹ T](#) về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” với bà [Phạm Thị Ánh N](#) và ông [Nguyễn Công L](#).

Buộc ông [Nguyễn Công L](#) và bà [Phạm Thị Ánh N](#) liên đới phải trả cho bà [Phạm Thị Mỹ T](#) 112.500.000 đồng (Một trăm mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do [Ngân hàng N2](#) quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện bà [Phạm Thị Mỹ T](#) đối với số tiền là 12.500.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc [N](#) và ông [L](#) liên đới phải nộp 5.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà Nước. [H](#) lại cho bà [T](#) số tiền tạm

ứng án phí là 3.125.000 đồng theo biên lai số 0005681 ngày 19/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

5. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

[Nguyễn Thị Mộng T1](#)